

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 14-10-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường

2. Ông Tạ Đình Thành

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Trụ sở: số 02, phường Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật ông: Tiết Văn T – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình K, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phước Long.

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Đình H - Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phước Long.

Địa chỉ: Số 09 đường Lê Quý Đôn, khu phố 3, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm: 1977 và ông Võ Đình D, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt những đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm: 1947 và bà Hoàng Thị S, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Khu phố Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt những đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5605-LAV-20190899 ngày 15/5/2019 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng); cụ thể khoản vay:

- Số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 12 tháng (hạn trả cuối cùng vào ngày 15/5/2020)
- Lãi suất: 9.8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; lãi suất phạt chậm trả 10%/năm.

- Mục đích vay: kinh doanh mua bán nông sản

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay bà Hoàng Thị S (đại diện chủ hộ) đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 5605-169-2017418 ngày 19/4/2017, cụ thể:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 16, diện tích đất 3196.5m² tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được UBND huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 454094, số vào sổ 243 ngày 10/4/2001 cho hộ bà Hoàng Thị S và các tài sản trên đất.

Sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, phía ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu đồng) cho ông Dũng, bà Hà. Quá trình vay vốn, ông Dũng đã ủy quyền cho bà Hà để thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng (theo giấy ủy quyền ngày 14/5/2019 tại UBND phường Phước Bình).

Xét thấy trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Dũng, bà Hà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện cho khách hàng nhưng ông Dũng, bà Hà vẫn không trả.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D phải thanh toán số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/10/2021 là 104.108.219 đồng và tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5605-LAV-20190899 ngày 15/5/2019 kể từ thời điểm ngày 15/10/2021 cho đến khi ông Dũng bà Hà thanh toán xong.

Trường hợp bà Hà, ông Dũng không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

** Trong bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dũng, bà Hà trình bày:*

Ông Dũng thừa nhận có ủy quyền cho bà Hà để thực hiện toàn bộ việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2019). Ông Dũng, bà Hà thống nhất bà Hà đã ký kết Hợp đồng tín dụng 5605-LAV-20190899 ngày 15/5/2019 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để vay số tiền 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay cho ông Dũng, bà Hà thì bà Hoàng Thị S có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 5605-169-2017418 ngày 19/4/2017 với ngân hàng, cụ thể: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 16, diện tích đất 3196.5m² tọa lạc tại khu phố Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được UBND huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số phát hành S 454094, số vào sổ 243 ngày 10/4/2001 cho hộ bà Hoàng Thị S.

Do ông Dũng, bà Hà gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Nay trước yêu cầu của Ngân hàng, bà Hà và ông Dũng đồng ý trả toàn bộ số nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng. Trường hợp không trả hoặc không trả đủ số tiền trên thì ông Dũng, bà Hà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để ngân hàng thu hồi nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân L và bà Hoàng Thị S trình bày:*

Ông bà là bố mẹ ruột của bà Hà, ông bà thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để bà Hà vay vốn. Đối với khoản vay giữa bà Hà, ông Dũng ký kết với ngân hàng, ông bà không liên quan. Bà Hà, ông Dũng đứng ra ký vay vốn thì phải có trách nhiệm trả nợ. Nay trước yêu cầu của phía Ngân hàng, ông bà không đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Dũng bà Hà phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để giải chấp tài sản mà ông bà đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông Dũng bà Hà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng H và ông Võ Đình D có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi suất còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 2, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông Dũng, bà Hà:

Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và bà Nguyễn Thị Hoàng H đã ký kết Hợp đồng tín dụng 5605-LAV-20190899 để vay số tiền 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng 2010; các Điều 117, 119 Bộ luật dân sự 2015, Quyết định số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết nên phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo nội dung của hợp đồng.

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 5605-169-2017418 ngày 19/4/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 92018/PLHĐTC ngày 04/5/2018 được ký kết giữa bên thế chấp bà Hoàng Thị S (đại diện hộ gia đình ông bà Sửu và ông Lý) với bên nhận thế chấp là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không trái với quy định của pháp luật, hợp đồng được công chứng theo luật định và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/4/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phước Long; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 292, Điều 317, Điều 318 và Điều 319 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, Nghị định 8020/2013/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Mặt khác, trước khi giao kết hợp đồng thế chấp các thành viên trong hộ (theo số hồ sơ 140) đã có hợp đồng ủy quyền ngày 20/4/2017 được Văn phòng công chứng Phước Long công chứng số 000002110 để ủy quyền cho bà Sửu thực hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng. Do vậy, hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ khi đăng ký bảo đảm làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên thế chấp.

Tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 01/9/2021 tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào bảng kê chi tiết tiền gốc, lãi suất tính lãi tính đến ngày 14/10/2021, Hội đồng xét xử đã kiểm tra, xác định Ngân hàng đã tính khoản lãi quá hạn đúng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, trong quá trình vay vốn bà Hà, ông Dũng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc khi đến hạn cho ngân hàng. Mặt khác, phía bị đơn cũng đồng ý trả toàn bộ số nợ gốc và lãi suất phát sinh cho ngân hàng không có ý kiến nào khác về nội dung hợp đồng tín dụng nên căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010; Điều 463, Điều 464, Điều 470 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D phải thanh toán tổng số tiền 604.108.219 đồng (sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng); trong đó: nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất quá hạn tính đến 14/10/2021 là 104.108.219 đồng và bà Hà, ông Dũng phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam kể từ ngày 15/10/2021 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5605-LAV-20190899 ngày 15/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy bà Sửu và ông Lý không đồng ý phát mãi tài sản nhưng bà Sửu, ông Lý đều thừa nhận có ký vào hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bà Hà, ông Dũng. Do hợp đồng thế chấp được nêu trên có hiệu lực đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên thế chấp nên căn cứ tại Điều 299 Bộ luật dân sự, Điều 04 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5605-169-2017418 ngày 19/4/2017 nên cần được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Hà, ông Dũng phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định. Bà Hà, ông Dũng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn có hoàn cảnh khó khăn, được Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú xác nhận nên Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% án phí cho bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào căn cứ khoản 1, Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; các Điều 117, Điều 119, Điều 292, Điều 299 Điều 317, Điều 318, Điều 319 và các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D phải thanh toán tổng số tiền 604.108.219 đồng (sáu trăm linh bốn triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng); trong đó: nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất quá hạn tính đến 14/10/2021 là 104.108.219 đồng.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D không trả hoặc không trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng được quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và bà Hà, ông Dũng phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam kể từ ngày 15/10/2021 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5605-LAV-20190899 ngày 15/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D không trả hoặc không trả đủ toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 16, diện tích đất 3196.5m² tọa lạc tại khu

phố Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được UBND huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 454094, số vào sổ 243 ngày 10/4/2001 cho hộ bà Hoàng Thị S và các tài sản gắn liền trên thửa đất này; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 5605-169-2017418 ngày 19/4/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 92018/PLHĐTC ngày 04/5/2018 để Ngân hàng thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hà, ông Dũng phải liên đới chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định. Bà Hà, ông Dũng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Võ Đình D phải liên đới chịu số tiền án phí sau khi đã được giảm là 14.082.164 đồng (Mười bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 12.861.863 đồng (Mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn tám trăm sáu ba đồng) mà Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007130 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- VKS TX. Phước Long;
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh

